

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Số hiệu gói thầu:

Gói thầu số 01

Tên gói thầu:

Mua sắm đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học tại
Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế

Dự án:

Mua sắm đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học tại
Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế

Phát hành ngày:

22/02/2018

Ban hành kèm theo Quyết định:

Quyết định số /QĐ-CĐSPH ngày /02/2018 của
Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế

TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ YÊU CẦU
CÔNG TY TNHH MTV
HỮU DŨNG
Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 02 năm 2018

BÊN MỜI THẦU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
THỪA THIÊN HUẾ
Hiệu trưởng

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Stt	Nội dung công việc	Thời gian	Địa điểm
1	Thông báo yêu cầu	Ngày 05 /02/2018	Trên Báo Đấu thầu - Bộ KH&ĐT số 25 thầu tỉnh Thừa Thiên Huế
2	Bán hồ sơ yêu cầu	Từ 08 giờ 00 phút ngày 22/02/2018 đến trước 09 giờ 00 phút ngày 01/03 /2018.	Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế.
3	Đóng thầu	09 giờ 00 phút , ngày 01/03 /2018.	Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế.
4	Mở thầu	09 giờ 10 phút , Ngày 01/03 /2018.	Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế.
5	Công bố kết quả đấu thầu	Ngay sau khi có quyết định phê duyệt KQĐT	Thông báo trên Báo Đấu thầu - Bộ KH&ĐT và gửi cho nhà thầu

Ghi chú: Đây là lịch đấu thầu chính thức, đề nghị các nhà thầu theo dõi và thực hiện đúng. Nếu có bất kỳ thay đổi nào Bên yêu cầu sẽ thông báo tới các Nhà thầu bằng văn bản chính thức.

	MỤC LỤC	Trang
Từ ngữ viết tắt		4
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu		5
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX		17
Chương III. Biểu mẫu dự thầu		21
Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu		38
Chương V. Dự thảo hợp đồng		51

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất
ĐKHD	Điều kiện của hợp đồng
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VNĐ	Đồng Việt Nam

Chương I

CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế (Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1 “Mua sắm đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế”.

- Danh mục thiết bị: *Tại bảng 01*

2. Nguồn vốn: Nguồn vốn thường xuyên của đơn vị.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: **15 ngày.**

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

Nhà thầu tham dự thầu phải:

a) Không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với chủ đầu tư, Bên mời thầu: Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế.

b) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp;

c) Không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn sau đây: Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; lập, thẩm định HSYC; đánh giá HSDX;

thâm định kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) gói thầu: Mua Hóa chất và vật tư trường học tiêu hao năm 2017.

d) Nhà thầu tham dự thầu và các nhà thầu tư vấn quy định tại điểm c Khoản này không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia¹.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất vào ngày 02 ngày trước thời điểm đóng thầu. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn ngày 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu;

(1) Chỉ quy định nội dung này đối với các HSYC phát hành sau ngày 01/7/2016

3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu;
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;
5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
6. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 (bao gồm Mẫu số 05a và Mẫu số 05b) Chương III – Biểu mẫu;
7. Các nội dung khác: Không có

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là **45 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem

xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **75 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu .

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **03 bản chụp+ 01 USB chứa dữ liệu**. HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**”, “**BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ**”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **09 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 3 năm 2018**.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc **09 giờ 10 phút, ngày 01 tháng 03 năm 2018** tại **Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế** trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu sau ngày **01 tháng 03 năm 2018** (Sau ngày có thời điểm đóng thầu). Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 07a Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá **20%** giá chào của nhà thầu.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt (*Không được phép sử dụng*).

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu chính phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 07b Chương III – Biểu mẫu và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSYC và nhà thầu chính không có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDX của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSYC.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Nội dung ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:

1.1. Nguyên tắc ưu đãi:

Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.

1.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDX để so sánh, xếp hạng HSDX:

Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây:

$$D (\%) = G^*/G (\%)$$

Trong đó:

- G*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong HSDX trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có);

- G: Là giá chào của hàng hóa trong HSDX trừ đi giá trị thuế;

- D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 25\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này.

1.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện như sau:

Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

1.4. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.

2. Nhà thầu phải nộp các giấy tờ, tài liệu chứng minh nếu hàng hóa của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

Mục 16. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi

giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 1% (*khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong*

phạm vi cung cấp) và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 09 Chương V hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế - Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế-Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Huế).

Mục 23. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Huế).

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
- i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ¹ .
2	Kiện tụng đang giải quyết ⁽³⁾	Trường hợp nhà thầu có kiện tụng đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 50 % ⁽⁴⁾ giá trị tài sản ròng của nhà thầu. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).
3	Năng lực tài chính	
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính từ năm 2015 đến năm 2016 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 1,8 tỷ đồng , trong vòng 02 năm gần đây.
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có cam kết cung cấp các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác của các tổ chức tín dụng. Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao, có cam kết cung cấp các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 270 triệu đồng VN . Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có cam kết cung cấp các khoản tín dụng $\geq 30\%$ giá trị phần công việc đảm nhận trong liên danh.
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ tối thiểu 02 hợp đồng tương tự về việc cung cấp thiết bị phục vụ dạy học trong vòng 02 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): - Có một hợp đồng có giá trị tối thiểu là 630 triệu đồng .

		(Yêu cầu: Kèm theo bản sao công chứng các giấy tờ chứng minh: Hợp đồng kinh tế và hóa đơn tài chính)
--	--	--

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật:

HSDX nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự và hồ sơ chứng minh
1	Nhân sự phụ trách, quản lý dự án: 01 người	Có kinh nghiệm quản lý \geq 03 năm và hiện làm việc tại nhà thầu ít nhất 01 năm tới thời điểm đóng thầu.	Phụ trách, quản lý: Kèm theo bản sao bằng cấp am hiểu về thiết bị dạy học, hợp đồng lao động, có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm. Tóm tắt trích ngang thời gian công tác.
2	Nhân sự phụ trách cung cấp lắp đặt thiết bị: 03 người	Mỗi nhân sự có kinh nghiệm \geq 02 năm	Phụ trách lắp đặt: Kèm theo bản sao bằng cấp am hiểu về thiết bị dạy học, hợp đồng lao động, tóm tắt trích ngang thời gian công tác.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 5A-5B Chương III - Biểu mẫu dự thầu.

2.3. Nhà thầu phụ: Không áp dụng nhà thầu phụ cho gói thầu này

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCDG về mặt kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá mức độ đáp ứng đối với các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu và tiên lượng kèm theo.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật với mức yêu cầu là phải đạt trong tất cả các tiêu chí. Hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật sẽ được Chủ đầu tư phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu phải đạt
1	HSDX ghi sai nước và hăng sản xuất	30	25
	- HSDX ghi đúng 100%	30	
	- HSDX ghi sai nhỏ hơn hoặc bằng 4%	25	
	- HSDX ghi sai trên 4%		(Loại)
2	Hàng hoá ghi trong HSDX	20	14
	- HSDX ghi đúng 100%	20	
	- HSDX ghi sai nhỏ hơn hoặc bằng 5%	14	
	- HSDX ghi sai trên 5%		(Loại)
3	Quy cách (sai nhưng không ảnh hưởng đến thay đổi về số lượng)	20	14
	- HSDX ghi đúng 100%	20	
	- HSDX ghi sai nhỏ hơn hoặc bằng 5%	14	
	- HSDX ghi sai trên 5% hoặc sai quy cách có ảnh hưởng đến thay đổi về số lượng		(Loại)
4	Hợp đồng đã cung cấp tương tự cho các đơn vị trường học	20	12
	- Hợp đồng đã cung cấp tương tự cho các đơn vị trường học có giá trị trên 01 tỷ.	20	
	- Hợp đồng đã cung cấp tương tự cho các đơn vị trường học có giá trị dưới 500 triệu.	12	
	- Chưa có hợp đồng nào.		(Loại)
5	Kinh nghiệm của nhà thầu trong cung cấp hàng hóa	10	5
	- Cung cấp cho các đơn vị từ 03 năm trở lên.	10	
	- Cung cấp cho các đơn vị dưới 03 năm.	8	
	- Chưa cung cấp cho các đơn vị.	5	
Tổng cộng:		100	70

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng*]

Tên dự án: _____ [*Ghi tên dự án*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại _____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

*- Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của bên mời thầu.*

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [Ghi tên dự án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay

sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [Ghi tên dự án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

Các cột (1), (2), (3), (4) bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu. Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) bên mời thầu ghi phù hợp với Bảng dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

Các cột (7), (8) do nhà thầu chào.

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT⁽¹⁾

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT⁽¹⁾
(Không áp dụng mẫu này)

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu không cho phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì xóa Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Bên mời thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [*Điền ngày tháng năm ký cam kết*]

Tên gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt*]

Tên dự án: _____ [*Ghi tên dự án*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [*Ghi tên bên mời thầu*] phát hành, chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại _____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Chương IV YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng số 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết.

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	Nhóm tuổi 12-24 tháng			
I	ĐỒ DÙNG			
1	Giá phơi khăn	cái	2	Kích thước D 600* R400* C 800 mm, bằng Inox, phơi tối thiểu 35 khăn, không chồng lên nhau.
2	Cốc uống nước	cái	35	Bằng inox đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có quai
3	Giá đựng ca cốc	cái	2	Kích thước (D900* S300*C9000) mm, bằng Inox, đủ úp tối thiểu 35 ca,
4	Tủ để đồ dùng cá nhân	cái	5	Tủ nhựa Song Long : Gồm có 5 tầng và 6 ngăn kích thước : 60 x48 x120
5	Tủ nhựa đài loan	cái	4	KT: 1000x1200x500 (cm) Vật liệu: bằng nhựa cao cấp nhập khẩu Đài Loan gồm hai cánh mở và 4 ngăn kéo .
6	(giường)	cái	33	Kích thước (D1200* R600*S100) mm. Bằng khung sắt bọc nhựa, vải lưới cấu trúc có thể xếp lên nhau
7	Giá để giày dép	cái	2	Kích thước (R1200* S200*C800) mm. Bằng sắt sơn tĩnh điện

8	Thùng đựng rác có nắp đậy	cái	4	Bằng nhựa có nắp đậy; Dung tích: 4,5L, có bàn đạp, bên trong bằng nhựa có quai xách
9	Bàn cho trẻ	cái	20	Bàn nhựa Song Long được làm bằng nhựa cao cấp .
10	Ghế cho trẻ	cái	33	Bằng nhựa cao cấp; Kích thước: cao 28cm
11	Bàn giáo viên	cái	1	KT: 95x50x55 cm. Mặt bàn làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU . Chân bàn làm bằng sắt sơn tĩnh điện , chân bàn xếp lại được chân bằng sắt vuông 20 dày 0,8ly.
12	Ghế giáo viên .	cái	2	KT: 32x28x35 cm. Mặt ghế làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU. Chân thép phi 19 dày 0,9ly.
13	Kệ để đồ chơi và học liệu .	cái	5	KT: 100 x 0.3 x 70 m. Gỗ cao su sơn PU, Lưng MDF 5 LY, vẽ trang trí vui mắt
II	THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU			
20	Bóng nhỏ	Quả	20	<i>Bằng nhựa màu (xanh, đỏ, vàng); đường kính 7cm</i>
21	Bóng to	Quả	7	<i>Bằng nhựa (xanh, đỏ, vàng); đường kính 10-12cm</i>
22	Gậy thể dục nhỏ	Cái	40	<i>Bằng nhựa một màu (có 4 màu: xanh, đỏ, vàng, lam); dài 30 cm</i>
23	Vòng thể dục nhỏ	Cái	40	<i>Bằng nhựa màu; đường kính 30 cm</i>
24	Vòng thể dục to	Cái	1	<i>Bằng nhựa màu; đường kính 50 cm</i>
25	Búa cọc	Bộ	2	<i>Bằng gỗ, phủ bóng</i>
28	Thú kéo dây	Con	2	<i>Bằng gỗ sơn màu</i>

29	Cổng chui	Cái	4	<i>Bằng thép sơn tĩnh điện; kích thước 50 x 50 cm; Đảm bảo chắc chắn cho trẻ khi sử dụng</i>
30	Xe ngồi có bánh	Cái	2	<i>Bằng gỗ hoặc nhựa sơn màu</i>
31	Lồng hộp vuông	Bộ	10	<i>6 khối nhựa sơn màu (xanh, đỏ, vàng, lam); 4 kích thước so sánh lồng vào nhau; Kích thước hộp ngoài cùng : 10 x 10 cm</i>
32	Lồng hộp tròn	Bộ	10	<i>6 khối nhựa màu tròn côn; 6 kích thước so sánh; Đường kính hộp ngoài cùng (to nhất): 8 cm</i>
33	Bộ râu dây	Bộ	10	<i>Bằng nhựa (loại to)</i>
34	Thả vòng	Bộ	2	<i>bằng nhựa</i>
35	Các con vật đẩy	Con	3	<i>Bằng gỗ sơn màu</i>
36	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	2	<i>Bằng gỗ sơn màu (hộp có bánh xe và hình con vật) 28ct</i>
37	Bộ nhận biết những con vật nuôi	Bộ	2	<i>15 hình bằng giấy Duplex 450 g/m² in 4 màu 2 mặt , cán láng bóng, gắn trên đế gỗ. Hoặc bằng nhựa cứng</i>
38	Trái cây	Giỏ	2	<i>Có 12 loại quả bằng nhựa màu, kích thước đường kính 10 cm (táo, xoài, lê, dứa, khế, dưa, thanh long, đu đủ, cam, chuối, cà chua)</i>
39	Búp bê bé trai	Con	5	<i>Mềm, vật liệu đảm bảo an toàn khi sử dụng. Cao 40 cm</i>
40	Búp bê bé gái	Con	5	<i>Mềm, vật liệu đảm bảo an toàn khi sử dụng. Cao 40 cm</i>
41	Hệ tháp	Bộ	5	<i>Bằng gỗ sơn màu, dùng để nhận biết màu sắc, hình khối và lắp ráp</i>
42	Khối hình to	Bộ	6	<i>14 khối nhựa hình vuông, tròn, tam giác, hình chữ nhật</i>

43	Khối hình nhỏ	Bộ	6	14 khối nhựa màu hình vuông, tròn, tam giác, hình chữ nhật
44	Xe cũi thả hình	Cái	3	Bằng gỗ,KT:150x200x150mm,có 4 bánh xe, đường kính nan cũi 10mm, có dây kéo. Mặt trên của xe có 5 lỗ hình học cơ bản (vuông, tam giác, tròn, chữ nhật và bán nguyệt),gồm 10 hình không thả lẫn các hình với nhau
45	Đồ chơi nhồi bông	Con	5	Bằng vải màu nhồi bông
46	Xếp tháp	Bộ	5	Bằng nhựa
47	Bút sáp	Hộp	39	màu cơ bản, không độc hại
48	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	2	Bằng nhựa gồm bếp, đồ dùng ăn uống, nồi niêu, xoong, chảo, ấm, bình lọ, ca cốc...
49	Bộ tranh nhận biết, tập nói	Bộ tranh	3	KT, SL = Là các tranh về rau, hoa, quả, các động vật gần gũi với trẻ và một số phương tiện giao thông, một số cảnh báo nguy hiểm. (Ghép từ các bộ trước đây)
50	Xắc xô 2 mặt nhỏ	Cái	10	Bằng nhựa màu, đường kính 12 cm
51	Xắc xô 2 mặt to	Cái	2	Bằng nhựa màu, đường kính 18 cm
52	Phách gỗ	Đôi	10	Bằng tre sơn màu
53	Trống com	Cái	10	Bằng nhựa, kích thước (Trống biểu diễn)
54	Trống con	Cái	8	Bằng nhựa
55	Đàn Xylophone	Cái	2	Bằng gỗ sơn màu (5 thanh)

57	Bảng con	cái	27	
58	Bộ tranh truyện nhà trẻ	Bộ	2	32 tranh, minh họa 9 truyện. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 300 x 390mm.
59	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Bộ	2	22 tranh, minh họa 14 bài thơ. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 300 x 390mm.
60	Bộ nhận biết, tập nói	Bộ	1	8 tranh, in 1 mặt, 4 màu, giấy duplex định lượng 300g/m ² . KT: 350 x 440mm. Sản phẩm phủ PVE.
Nhóm tuổi từ 24-36				
I	Đồ dùng			
1	Giá phơi khăn	cái	2	Kích thước D 600* R400* C 800 mm, bằng Inox, phơi tối thiểu 35 khăn, không chồng lên nhau.
2	Cốc uống nước	cái	35	Bằng inox đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có quai
3	Giá đựng ca cốc	cái	2	Kích thước (D400* S200*C800) mm, bằng Inox, đủ úp tối thiểu 35 ca,
4	Tủ để đồ dùng cá nhân	cái	7	Tủ nhựa Song Long : Gồm có 5 tầng và 6 ngăn kích thước : 60 x48 x120
5	Tủ đựng chăn, màn ,chiếu.	cái	4	KT: 1000x1200x500 (cm) Vật liệu: bằng nhựa cao cấp nhập khẩu Đài Loan gồm hai cánh mở và 4 ngăn kéo .
6	(giường)	cái	35	Kích thước (D1200* R600*S100) mm. Bằng khung sắt bọc nhựa, vải lưới cấu trúc có thể xếp lên nhau
7	Giá để giày dép	cái	2	Kích thước (R1200* S200*C800) mm. Bằng sắt sơn tĩnh điện
8	Thùng đựng rác có nắp đậy	cái	4	Bằng nhựa có nắp đậy; Dung tích: 4,5L, có bàn đạp, bên trong bằng nhựa có quai xách

9	Bàn cho trẻ	cái	20	Kích thước (D900* R480*C500) mm. bằng nhựa chân sắt gập được
10	Ghế cho trẻ	cái	35	Bằng nhựa cao cấp; Kích thước: cao 28cm
11	Bàn giáo viên .	cái	1	KT: 95x50x55 cm. Mặt bàn làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU . Chân bàn làm bằng sắt sơn tĩnh điện , chân bàn xếp lại được chân bằng sắt vuông 20 dày 0,8ly.
12	Ghế giáo viên .	cái	2	KT: 32x28x35 cm. Mặt ghế làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU. Chân thép phi 19 dày 0,9ly.
13	Kệ để đồ chơi và học liệu .	cái	5	KT: 100 x 0.3 x 70 m. Gỗ cao su sơn PU, Lưng MDF 5 LY, vẽ trang trí vui mắt
II	THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU			<i>Bằng nhựa màu (xanh, đỏ, vàng); đường kính 7cm</i>
1	Bóng nhỏ	Quả	15	<i>Bằng nhựa (xanh, đỏ, vàng); đường kính 10-12cm</i>
2	Bóng to	Quả	10	<i>30cm</i>
3	Gậy thể dục nhỏ	C, i	40	<i>50cm</i>
4	Gậy thể dục to	C, i	2	<i>30cm</i>
5	Vòng thể dục nhỏ	Cái	40	<i>50cm</i>
6	Vòng thể dục to	Cái	2	<i>Bằng thép sơn tĩnh điện; kích thước 50 x 50 cm; Đảm bảo chắc chắn cho trẻ khi sử dụng</i>
8	Cổng chui	Cái	4	<i>Bằng thép hoặc nhựa có chiều cao 60cm, đường kính :50cm . Có 2 tác dụng ném đứng và ném ngang</i>
9	Cột ném bóng	Cái	2	<i>Bằng gỗ Đồ chơi thể hiện là các con vật hoặc các PTGT quen thuộc.</i>

10	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	Bộ	5	Bảng gỗ sơn màu, trên bề mặt có khoét hình tròn (to-nhỏ), 2 hình vuông (to-nhỏ), các khối gỗ tròn, vuông có kích thước to, nhỏ tương ứng.
11	Hộp thả hình	Bộ	5	bằng nhựa
12	Lồng hộp vuông	Bộ	5	bằng nhựa
13	Lồng hộp tròn	Bộ	5	Bằng nhựa
14	Bộ xâu hạt	Bé	10	Bằng nhựa
15	Bộ xâu dây	Bộ	5	Bằng gỗ. Cọc dài 5cm, ĐK: 2 cm được khoan thủng và xẻ rãnh dọc cọc. Đầu búa ĐK: 3 cm, dài 8 cm, cán búa ĐK: 1.5cm, dài 12 cm, bàn cọc gồm 6 lỗ được thiết kế đóng cọc từ hai chiều.
16	Bé búa các	Bộ	5	Bằng gỗ, có 3 viên bi đường kính khoảng 4cm, có 2 tầng. Tầng trên được đặt 3 viên bi, tầng dưới có hệ thống trượt dẫn bi ra ngoài, kèm theo búa có kích thước đầu búa khoảng (3,5x5,5)cm, cán dài khoảng 18cm.
17	Búa 3 bi 2 tầng	Bộ	4	Bằng gỗ hình các con vật, kết cấu bằng các khớp nối, có dây kéo. KT 20x9x9cm
18	Các con kéo dây có khớp	Con	3	Bằng gỗ. 4 vòng tròn đặc. ĐK vòng ngoài: 3x6x9x12cm. ĐK lỗ vòng: 1,5cm. Vòng có 3 màu khác nhau (đỏ, xanh, vàng). Đế cắm (cọc cắm dài 25 cm. ĐK cọc 1,3cm)
19	Bộ tháo lắp vòng .	Bộ	5	Bằng gỗ sơn màu, Gồm 35 chi tiết: khối trụ, khối chữ nhật, khối hình vuông, khối tam giác. Được xếp trên xe. Có dây kéo.
20	Bộ xây dựng trên xe	Bộ	4	Bằng nhựa nhiều màu
21	Hàng rào nhựa	Bộ	3	Bằng gỗ sơn màu (kèm dao để trẻ cắt)

22	Bộ rau, củ, quả	Bộ	3	Bảng nhựa, gồm các loại động vật biển khác nhau.
23	Đồ chơi các con vật nuôi trong gia đình	Bộ	4	Bảng nhựa, gồm các loại động vật sống trong rừng.
24	Đồ chơi các con vật sống dưới nước	Bộ	2	Bảng nhựa, gồm các loại động vật nuôi trong nhà.
25	Đồ chơi các con vật sống trong rừng	Bộ	2	Bảng nhựa .
26	Đồ chơi các loại rau, củ, quả	Bộ	2	<i>Bảng gỗ sơn màu . KT tranh: 25 x 20 cm.</i>
27	Tranh ghép các con vật	Bộ	2	<i>Bảng gỗ sơn màu . KT tranh: 25 x 20 cm.</i>
28	Tranh ghép các loại quả	Bộ	2	<i>bảng bông 5 con</i>
29	Đồ chơi nhồi bông	Bộ	1	<i>Bảng nhựa (xẻng, xô, khuôn bánh)</i>
30	Đồ chơi với cát	Bộ	2	<i>120*80</i>
52	Bảng quay 2 mặt	Bộ	1	<i>24 tranh, in 1 mặt 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m². KT: 190 x 270mm. Sản phẩm phủ PVE.</i>
32	Tranh động vật nuôi trong gia đình .	Bé	1	<i>24 tranh in 1 mặt 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m². KT: 190 x 270mm. Sản phẩm phủ PVE.</i>
33	Tranh về các loại rau, củ, quả, hoa	Bé	1	<i>20 tranh, in 1 mặt 4 màu trên giấy couché định lượng 200g/m². Sản phẩm phủ PVE.</i>
34	Tranh các phương tiện giao thông	Bé	1	<i>In 4 màu 1 mặt, giấy couché định lượng 200g/m². Có nẹp treo. KT: 540x790mm. Sản phẩm phủ PVE.</i>
35	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bé	1	<i>32 tranh, minh họa 9 truyện. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m². Đóng kiểu lịch bàn. KT: 300 x 390mm</i>

36	Bộ tranh truyện nhà trẻ	Bộ	2	22 tranh, minh họa 14 bài thơ. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 300 x 3 90mm
37	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Bộ	2	In trên giấy Couche 250g/m ² ; KT: 10 x 7 cm in trên giấy cán láng
38	Lô tô các loại quả	Bé	40	In trên giấy Couche 250g/m ² ; KT: 10 x 7 cm
39	Lô tô các con vật	Bé	40	In trên giấy Couche 250g/m ² ; KT: 10 x 7 cm.
40	Lô tô các phương tiện giao thông	Bé	40	In trên giấy Couche 250g/m ² ; KT: 10 x 7 cm
41	Lô tô các hoa	Bé	40	Bằng ni, thể hiện các nhân vật theo nội dung chuyện kể. KT: 20x10x10 cm
42	Con rối	Bộ	1	14 khối nhựa hình vuông, tròn, tam giác, hình chữ nhật
43	Khối hình to	Bộ	8	14 khối nhựa màu hình vuông, tròn, tam giác, hình chữ nhật
44	Khối hình nhỏ	Bộ	8	Bằng nhựa mềm ; 2 búp bê to có chiều cao 40 cm(to);2 búp bê nhỏ có chiều cao:20cm.
45	Búp bê bé trai	Con	4	Bằng nhựa mềm ; 2 búp bê to có chiều cao 40 cm(to);2 búp bê nhỏ có chiều cao:20cm.
46	Búp bê bé gái	Con	4	Bằng nhựa Cần đưa ra số lượng chi tiết khi xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật
47	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	3	Bằng nhựa 103 thân thiện với bé
48	Bộ bàn ghế giường tủ	Bộ	2	bằng nhựa, Bao gồm áo, mũ bằng vải, ống nghe
49	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	2	Bằng gỗ Kích thước

50	Giường búp bê	Bộ	2	Bằng nhựa màu, đường kính 20cm
51	Xác xô to	C, i	1	Bằng nhựa màu, đường kính 15 cm
52	Xác xô nhỏ	Cái	10	Bằng tre
53	Phách gỗ	§«i	10	Bằng nhựa, cú 3 màu khác nhau (đỏ, vàng, xanh)
54	Trống cơm	Cái	5	Bằng nhựa nhiều màu Cần làm kỹ TCKT đảm bảo an toàn cho trẻ
55	Xúc xúc	Cái	6	Bằng gỗ bọc da, đường kính 15 cm. Kèm theo 2 dùi.
56	Trống con	Cái	10	6 màu cơ bản, 200g/hộp
57	Đất nặn	Hộp	40	12 màu, ĐK khoảng : 1cm; dài: 7,5 cm; Trọng lượng cả hộp: 100g
58	Bút sáp	Hộp	40	
59	Bảng con	Cái	15	8 tranh, in 1 mặt, 4 màu, giấy duplex định lượng 300g/m ² . KT: 350 x 440mm. Sản phẩm phủ PVE
60	Bộ nhận biết, tập nói,	Bộ	1	
	Nhóm tuổi 3-4 tuổi			
1	Đồ dùng			
1	Giá phơi khăn	cái	2	Kích thước D 600* R400* C 800 mm, bằng Inox, phơi tối thiểu 35 khăn, không chồng lên nhau.
2	Cốc uống nước	cái	35	Bằng inox đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có quai

3	Giá đựng ca cốc .	cái	2	Kích thước (D400* S200*C800) mm, bằng Inox, đủ úp tối thiểu 35 ca,
4	Tủ để đồ dùng cá nhân	cái	7	Tủ nhựa Song Long : Gồm có 5 tầng và 6 ngăn kích thước : 60 x48 x120
5	Tủ đựng chăn, màn ,chiếu.	cái	4	KT: 1000x1200x500 (cm) Vật liệu: bằng nhựa cao cấp nhập khẩu Đài Loan gồm hai cánh mở và 4 ngăn kéo .
6	Giường lưới	cái	35	Kích thước (D1200* R600*S100) mm. Bằng khung sắt bọc nhựa, vải lưới cấu trúc có thể xếp lên nhau
7	Giá để giày dép	cái	2	Kích thước (R1200* S200*C800) mm. Bằng sắt sơn tĩnh điện
8	Thùng đựng rác có nắp đậy	cái	4	Bằng nhựa có nắp đậy; Dung tích: 4,5L, có bàn đạp, bên trong bằng nhựa có quai xách
9	Bàn cho trẻ	cái	18	Kích thước (D900* R480*C500) mm. bằng nhựa chân sắt gấp được
10	Ghế cho trẻ	cái	35	Bằng nhựa cao cấp; Kích thước: cao 28cm
11	Bàn giáo viên.	cái	1	KT: 95x50x55 cm. Mặt bàn làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU . Chân bàn làm bằng sắt sơn tĩnh điện , chân bàn xếp lại được chân bằng sắt vuông 20 dày 0,8ly.
12	Ghế giáo viên.	cái	2	KT: 32x28x35 cm. Mặt ghế làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU. Chân thép phi 19 dày 0,9ly.
13	Kệ để đồ chơi và học liệu .	cái	5	KT: 1.2 x 0.3 x 90 m. Gỗ cao su sơn PU, Lưng MDF 5 LY, vẽ trang trí vui mắt
II	THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU			
1	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	5	Bằng nhựa.

2	Mô hình hàm răng	Cái	2	Bằng nhựa.
3	Vòng thể dục to	Cái	2	50 cm
4	Gậy thể dục to	Cái	2	50 cm
5	Cột ném bóng	Cái	2	Bằng thép có chân đế chắc chắn. chiều cao thay đổi từ 600mm đến 1000mm, đường kính vòng ném khoảng 400mm. Có 2 tác dụng ném bóng đứng và ném bóng ngang, kèm theo lưới.
6	Vòng thể dục nhỏ	Cái	40	30cm
7	Gậy thể dục nhỏ	Cái	40	30cm
8	Xắc xô	Cái	2	Bằng nhựa màu, đường kính khoảng 18cm. Phi 20
9	Trống con	Cái	1	Bằng nhựa, có dùi trống. ĐK: 15 cm
10	Công chui	Cái	3	Bằng hép sơn tĩnh điện; kích thước 50 x 50 cm; Đảm bảo chắc chắn cho trẻ khi sử dụng
11	Bóng nhỏ	Quả	25	Vật liệu bằng nhựa có các màu cơ bản fi 7cm
12	Bóng to	Quả	5	Bằng nhựa màu (xanh, đỏ, vàng); đường kính 10cm
13	Nguyên liệu để đan tết	kg	1	Gồm các sợi tự nhiên và nhân tạo có nhiều màu, chiều dài 22 cm (6 bịch)
14	Kéo thủ công	Cái	40	Loại thông dụng, cán nhựa. Loại sacu
15	Kéo văn phòng	Cái	2	Loại thông dụng, cán nhựa. Loại cao su.

16	Bút chì đen	Cái	40	Loại 2B thông dụng
17	Bút sáp	Hộp	40	màu cơ bản, không độc hại
18	Đất nặn	Hộp	40	màu cơ bản, không độc hại
19	Giấy màu	túi	40	KT: 25x15 cm. Gồm 10 tờ/túi. Nhiều màu khác nhau
20	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	2	Bằng nhựa. Gồm các loại: Bắp cải, su hào, cà rốt, mướp đắng, khoai tây, cà tím tròn, ngô bao tử, súp lơ, đậu bắp, bí đa. Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
21	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	2	Bằng nhựa. Gồm các loại: Cải trắng, cà chua, dưa chuột, củ cải trắng, đậu quả, su su, bắp cải thảo, cà tím dài, quả gấc, quả mướp. Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
22	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	2	Bằng nhựa. Gồm các loại: Ngô bắp, khoai lang, củ sắn, củ tỏi, củ gừng, quả chanh, quả ớt, bí ngô, quả me, trứng gà, trứng vịt. Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
23	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	2	Bằng nhựa. Gồm các loại bánh: Bánh dày, bánh nướng, bánh dẻo, giò, chả, gà quay, bánh mỳ. Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
	Hàng rào lắp ráp nhỏ	Bộ	3	Bằng nhựa có nang ghép liền nhau
24	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	3	Bằng nhựa có nan ghép với nhau liền trên 1 tấm. KT: 35x40 , có chân đế.
25	Ghép nút lớn	Túi	2	Bằng nhựa màu lắp ráp đa chiều, 164 chi tiết đựng trong túi xách
26	Tháp dinh dưỡng	Tờ	1	Bằng giấy couche, KT: 54x79cm.
27	Búp bê bé trai	Con	2	Bằng nhựa mềm, chiều cao 35 cm

28	Búp bê bé gái	Con	2	Bằng nhựa mềm, chiều cao 35 cm
29	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	3	Bằng nhựa, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình.
30	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các dụng cụ thông dụng của bác sỹ
31	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	6	Bằng gỗ phủ bóng. Gồm 25 chi tiết: Khối bán nguyệt, hình vuông, hình tam giác, hình trụ, hình chữ nhật. Được xếp trên xe có dây kéo.
32	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3	Bằng gỗ bề mặt phẳng, không sắc cạnh, gồm 35 chi tiết: Khối hình chữ nhật khuyết 2 bán cầu, khối hình tam giác, khối hình vuông, khối hình thang và các khối trụ. Được xếp trong hộp.
33	Gạch xây dựng	Thùng	2	Bằng nhựa màu đỏ, bề mặt phẳng không sắc cạnh gồm: 33 viên KT: 140x70x35 mm, 9 viên KT: 70x70x35 mm. Kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, bàn xoa, dao xây, quả dọi.
34	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới
35	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm kim, ốc vít, clê, búa
36	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại xe ô tô khác nhau.
37	Bộ động vật biển	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại động vật biển khác nhau.
38	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại động vật sống trong rừng.
39	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại động vật nuôi trong nhà.
40	Bộ côn trùng	Bộ	2	Bằng nhựa gồm các loại côn trùng khác nhau.

41	Nam châm thẳng	cặp	3	Loại thẳng, thông dụng.
42	Kính lúp	Cái	3	Loại thông dụng.
43	Phiếu nhựa	Cái	3	Bảng nhựa, loại thông dụng.
44	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1	Bảng nhựa
45	Bộ làm quen với toán	Bộ	15	53 chi tiết, in 2 mặt 4 màu, giấy duplex định lượng 900g/m ² . Sản phẩm phủ PVE.
46	Con rối	Bộ	1	Bảng ni, thể hiện các nhân vật theo nội dung chuyện kể. KT: 20x10x10 cm
47	Bộ hình học phẳng	Túi	40	Bảng nhựa, gồm 4 loại: Hình chữ nhật, hình tròn, hình vuông, hình tam giác. Gồm 8 chi tiết
68	Bảng quay 2 mặt	Bộ	1	120*80
49	Tranh các loại rau, củ, quả	Bộ	2	Gồm 24 tranh về rau, củ, quả, hoa thông dụng, in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 19x27 cm
50	Tranh các con vật	Bộ	2	Gồm 24 tranh in các con vật quen thuộc. in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 19x27 cm
51	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	2	Gồm 24 tranh ảnh về hoạt động một số nghề phổ biến liên quan sinh hoạt hàng ngày của giáo viên, bác sỹ, công an, bộ đội, công nhân, nông dân, dịch vụ. in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 19x27 cm
52	Đồng hồ học đếm 2 mặt	Cái	2	Bảng gỗ. Mặt trước là đồng hồ, mặt sau là bàn tính. KT: 300x300x90mm
53	Hộp thả hình	Cái	3	Bảng gỗ. Có 3 mặt được khoét thành các hình vuông, chữ nhật, tam giác, tròn. Kích thước lỗ nhỏ 3,7x3,7cm. Kích thước lỗ lớn 4,2x4,2cm và 8 khối hình màu khác nhau. Kích thước mỗi hình là 14x14x14cm

54	Bàn tính học đếm	Cái	3	Bằng gỗ . Bàn tính gồm 5 cọc có chân đế. Mỗi cọc có tối thiểu 6 hạt bàn tính được sơn màu khác nhau gồm các con số từ 0 - 9 giúp trẻ nhận biết số học.
55	Bộ tranh truyện mẫu giáo 3-4 tuổi	Bộ	1	32 tranh, minh họa 8 truyện. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 350 x 440mm.
56	Bộ tranh minh họa thơ lớp 3-4 tuổi	Bộ	1	28 tranh, minh họa 12 bài thơ. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 350 x 440mm.
57	Bảng con	Cái	30	
58	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1	Bằng giấy couche, KT: 54x79cm.
59	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	1	Gồm 8 tranh về nội dung hình ảnh Bác Hồ, in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 19x27 cm
60	Màu nước	Hộp	25	Loại thông dụng.
61	Bút lông cỡ to	Cái	12	Loại thông dụng
62	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12	Loại thông dụng
63	Dập ghim	Cái	1	Loại thông dụng
64	Bìa các màu	Tờ	50	
65	Giấy trắng A0	Tờ	50	
66	Kẹp sắt các cỡ	Cái	10	
67	Dập lỗ	Cái	1	

68	Súng bắn keo	Cái	1	
69	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	3	Gồm: Phách gỗ, song loan, xắc xô.
70	Lịch của trẻ	Bộ	1	Một tờ bìa lịch giấy duplex định lượng 300g/m ² , bồi trên giấy carton lạnh định lượng 2.000g/m ² , nhiều thẻ gắn được lên bìa bằng các viên nam châm với các nội dung về thời gian, thời tiết, sinh hoạt, trong ngày của bé.
	Nhóm tuổi 4-5 tuổi			
I	Đồ dùng			
1	Giá phơi khăn	cái	2	Kích thước D 600* R400* C 800 mm, bằng Inox, phơi tối thiểu 35 khăn, không chồng lên nhau.
2	Cốc uống nước	cái	35	Bằng inox đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có quai
3	Giá đựng ca cốc .	cái	2	Kích thước (D400* S200*C800) mm, bằng Inox, đủ úp tối thiểu 35 ca,
4	Tủ để đồ dùng cá nhân	cái	7	Tủ nhựa Song Long : Gồm có 5 tầng và 6 ngăn kích thước : 60 x48 x120
5	Tủ đựng chăn, màn ,chiếu.	cái	4	KT: 1000x1200x500 (cm) Vật liệu: bằng nhựa cao cấp nhập khẩu Đài Loan gồm hai cánh mở và 4 ngăn kéo .
6	giường lưới .	cái	35	Kích thước (D1200* R600*S100) mm. Bằng khung sắt bọc nhựa, vải lưới cấu trúc có thể xếp lên nhau
7	Giá để giày dép	cái	2	Kích thước (R1200* S200*C800) mm. Bằng sắt sơn tĩnh điện
8	Thùng đựng rác có nắp đậy	cái	4	Bằng nhựa có nắp đậy; Dung tích: 4,5L, có bàn đạp, bên trong bằng nhựa có quai xách

9	Bàn cho trẻ	cái	20	Kích thước (D900* R480*C500) mm. bằng nhựa chân sắt gấp được
10	Ghế cho trẻ	cái	35	Bằng nhựa cao cấp; Kích thước: cao 28cm
11	Bàn giáo viên.	cái	1	KT: 95x50x55 cm. Mặt bàn làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU . Chân bàn làm bằng sắt sơn tĩnh điện , chân bàn xếp lại được chân bằng sắt vuông 20 dày 0,8ly.
12	Ghế giáo viên.	cái	2	KT: 32x28x35 cm. Mặt ghế làm bằng ván cao su ghép 18ly, sơn thối PU. Chân thép phi 19 dày 0,9ly..
13	Kệ đựng đồ chơi và học liệu	cái	5	KT: 1.2 x 0.3 x 90 m. Gỗ cao su sơn PU, Lưng MDF 5 LY, vẽ trang trí vui mắt
II	THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU			
21	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	6	Bằng nhựa.
22	Mô hình hàm răng	Cái	3	Bằng nhựa.
23	Vòng thể dục nhỏ	Cái	40	Bằng nhựa màu; đường kính 40 cm
24	Gậy thể dục nhỏ	Cái	40	40cm
25	Cổng chui	Cái	5	Bằng thép sơn tĩnh điện; kích thước 50 x 50 cm; Đảm bảo chắc chắn cho trẻ khi sử dụng
26	Cột ném bóng	Cái	2	Bằng thép có chân đế chắc chắn. chiều cao thay đổi từ 600mm đến 1000mm, đường kính vòng ném khoảng 400mm. Có 2 tác dụng ném bóng đứng và ném bóng ngang, kèm theo lưới.
27	Vòng thể dục cho giáo viên	Cái	1	60 cm

28	Gậy thể dục cho giáo viên	Cái	1	60 cm
29	Bộ chun học toán	Cái	6	Bảng nhựa trên bảng có các mẫu (tù đầu) thẳng hàng dọc và ngang để mắc chun và các sợi dây chun nhiều màu. KT: 20x20 cm
30	Ghế băng thể dục	Cái	2	Bảng gỗ cao su đảm bảo chắc chắn an toàn, .KT: 200 x 300 x 2400
31	Bục bật sâu	Cái	2	KT: 40x40x30 Cao su
32	Nguyên liệu để đan tết	kg	1	Gồm các sợi tự nhiên và nhân tạo có nhiều màu, chiều dài 22 cm
33	Các khối hình học	Bộ	10	Bảng nhựa, gồm 5 khối hình: Khối hình chữ nhật, khối hình trụ tròn, khối hình vuông, khối hình tam giác, khối hình cầu.
34	Bộ khâu dây tạo hình (khâu lá, khâu giống)	bịch	10	Bảng nhựa
35	Kéo thủ công	Cái	40	Loại thông dụng, cán nhựa. Loại sacu
36	Kéo văn phòng	Cái	1	Loại thông dụng
37	Bút chì đen	Cái	40	Loại 2 B thông dụng
38	Bút sáp	Hộp	40	12 màu, ĐK khoảng : 1cm; dài: 7,5 cm; Trọng lượng cả hộp: 100g
39	Giấy màu	Túi	40	KT: 25x15 cm. Gồm 10 tờ/túi. Nhiều màu khác nhau
40	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	1	Bảng nhựa. Gồm các loại: Bắp cải, su hào, cà rốt, mướp đắng, khoai tây, cà tím tròn, ngô bao tử, súp lơ, đậu bắp, bí đao. Dụng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
41	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	1	Bảng nhựa. Gồm các loại: Cải trắng, cà chua, dưa chuột, củ cải trắng, đậu quả, su su, bắp cải thảo, cà tím dài, quả gấc, quả mướp.

				Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
42	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	1	Bằng nhựa. Gồm các loại: Ngô bắp, khoai lang, củ sắn, củ tỏi, củ gừng, quả chanh, quả ớt, bí ngô, quả me, trứng gà, trứng vịt. Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
43	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	1	Bằng nhựa . Gồm các loại bánh: Bánh dày, bánh nướng, bánh dẻo, giò, chả, gà quay, bánh mỳ.... Đựng trong rổ nhựa bọc túi lưới.
44	Tháp dinh dưỡng	Cái	1	Bằng giấy couche, KT: 54x79cm.
45	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	6	14 quân, 28 tranh. KT: 13x9,5cm
46	Bộ luồn hạt	Bộ	5	Gồm 3 khung bằng thép sơn màu, đường kích khoảng 0.4mm được uốn theo các hình xoắn và ríc rắc và gắn vào đế bằng gỗ hoặc vật liệu khác. Các hạt có hình khối khác nhau bằng gỗ và nhựa nhiều màu, được luồn sẵn trong khung thép. KT: 40x30x15 cm.
47	Bộ lắp ghép	Bộ	2	Bằng nhựa . Gồm 55 chi tiết có thể lắp ghép đa chiều.
48	Búp bê bé trai	Con	3	Bằng nhựa mềm, chiều cao 35 cm
49	Búp bê bé gái	Con	3	Bằng nhựa mềm, chiều cao 35 cm
50	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	1	Bằng nhựa gồm 1 bộ bàn ghế, 1 giường, 1 tủ.
51	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các dụng cụ thông dụng của bác sỹ
52	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1	Bằng giấy couche, KT: 54x79cm.
53	Bộ ghép hình hoa	Bộ	3	Bằng nhựa. Gồm 135 chi tiết, 5 màu cơ bản, đỏ, vàng, xanh dương, xanh lá. Các chi tiết được

				ghép lẫn vào nhau.
54	Bộ lắp ráp nút tròn	Bộ	3	Bằng nhựa . Gồm 64 chi tiết, các chi tiết được ghép lẫn vào nhau.
55	Hàng rào nhựa	Bộ	3	Bằng nhựa có nan ghép với nhau liền trên 1 tấm. KT: 35x40 , có chân đế.
56	Bộ xây dựng	Bộ	3	Bằng gỗ sơn màu. Gồm 51 chi tiết: khối trụ, khối tam giác, khối hình vuông, khối chữ nhật, khối chữ nhật khuyết cầu, khối bán nguyệt, khuyết cầu, khối chữ X.
57	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới
58	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm kìm, ốc vít, clê, búa
59	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại xe ô tô khác nhau.
60	Bộ lắp ráp xe lửa	bộ	1	Bằng gỗ. Gồm các hình khối , có thể lắp ráp thành đầu tàu và các toa tàu được liên kết với nhau bằng khớp nối
61	Bộ động vật biển	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại động vật biển khác nhau.
62	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại động vật sống trong rừng.
63	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2	Bằng nhựa, gồm các loại động vật nuôi trong nhà.
64	Bộ côn trùng	Bộ	2	Bằng nhựa gồm các loại côn trùng khác nhau.
65	Tranh về các loài hoa, rau, quả, củ	Bộ	1	Gồm các bức tranh về rau, củ, quả, hoa thông dụng. Kích thước tối thiểu (190x270)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m ² , cán láng.

66	Nam châm thẳng	Cái	3	Loại thẳng, thông dụng.
67	Kính lúp	Cái	3	Loại thông dụng.
68	Phiếu nhựa	Cái	3	Bảng nhựa, loại thông dụng.
69	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1	KT: 400x300x150mm, Bảng nhựa
70	Cân thăng bằng	Bộ	2	Bảng nhựa
71	Bộ làm quen với toán	Bộ	15	102 chi tiết, in 2 mặt 4 màu, giấy duplex định lượng 900g/m ² . Sản phẩm phủ PVE
72	Đồng hồ lắp ráp	Bộ	3	Bảng gỗ . Gồm các khối hình in số từ 1 đến 12 , có thể ghép với nhau thành đồng hồ, có dây kéo.
73	Bàn tính học đếm	Bộ	3	Bảng gỗ . Bàn tính gồm 5 cọc có chân đế. Mỗi cọc có tối thiểu 6 hạt bàn tính được sơn màu khác nhau gồm các con số từ 0 - 9 giúp trẻ nhận biết số học.
74	Bộ hình phẳng	Túi	40	Bảng nhựa, gồm 4 loại: Hình chữ nhật, hình tròn, hình vuông, hình tam giác. Gồm 8 chi tiết
75	Ghép nút lớn	Túi	3	Gồm 164 chi tiết, bằng nhựa. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.
76	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	3	Bảng nhựa, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình.
77	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3	35 chi tiết bằng gỗ sơn màu
78	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	1	Gồm tranh ảnh về hoạt động một số nghề phổ biến liên quan sinh hoạt hàng ngày của giáo viên, bác sỹ, công an, bộ đội, công nhân, nông dân, dịch vụ. in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 19x27 cm

79	Một số hình ảnh lễ hội, danh lam, thắng cảnh	Bộ	1	Tranh/ảnh hoặc băng đĩa chọn lọc . Khổ A3 làm khổ tranh.
80	Bảng quay 2 mặt	Bộ	1	120*80
81	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	1	Bảng nhựa thể hiện nút giao thông và đèn tín hiệu , bục giao thông, phương tiện, xe đạp, ô tô, xe máy, người đi bộ và một số ký hiệu biển báo thông thường. KT: 60x60 cm
82	Lô tô động vật	Bộ	10	Gồm 28 quân, ruột in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 10x7 cm
83	Lô tô thực vật	Bộ	10	Gồm 25 quân, ruột in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 10x7 cm
84	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	10	Gồm 25 quân, ruột in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 10x7 cm
85	Lô tô đồ vật	Bộ	10	Gồm 25 quân, ruột in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 10x7 cm
86	Tranh số lượng	Tờ	1	In 1 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Có nẹp treo. KT: 540 x 790mm. Sản phẩm phủ PVE
87	Đomino học toán	Bộ	5	Bảng nhựa . Gồm 28 quân, thể hiện nội dung làm quen với toán. KT: 6.5x3.5 cm
88	Bộ chữ số và số lượng	Bộ	15	Bảng giấy , in màu thể hiện chữ số 1 đến 10 và hình ảnh minh họa số lượng tương ứng. KT: 10x8 cm
89	Lô tô hình và số lượng	Bộ	15	40 thẻ , in 1 mặt 4 màu, giấy duplex định lượng 350g/m ² . KT thẻ: 70 x 100mm. Sản phẩm phủ PVE
90	Bộ tranh truyện mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Bộ	2	32 tranh, minh họa 8 truyện. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 350 x 440mm.
91	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 4- 5 tuổi	Bộ	2	30 tranh, minh họa 19 bài thơ. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 350 x 440mm.

92	Bộ tranh mẫu giáo 4-5 tuổi theo chủ đề	Bộ	2	30 tranh, giới thiệu 9 chủ điểm. In 2 mặt, 4 màu, giấy couché định lượng 200g/m ² . Đóng kiểu lịch bàn. KT: 350 x 440mm.
93	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	1	Gồm 8 tranh về nội dung hình ảnh Bác Hồ, in 4 màu trên giấy Couche, cán láng. KT: 19x27 cm
94	Lịch của bé	Bộ	1	Một tờ bìa lịch giấy duplex định lượng 300g/m ² , bồi trên giấy carton lạnh định lượng 2.000g/m ² , nhiều thẻ gắn được lên bìa bằng các viên nam châm với các nội dung về thời gian, thời tiết, sinh hoạt, trong ngày của bé
95	Bộ chữ và số	Bộ	6	39 chữ cái và số (chữ in và chữ viết thường), in 2 mặt, giấy couché định lượng 230g/m ² . KT: 55 x 95mm. Sản phẩm phủ PVE 2 mặt
96	Bộ trang phục Công an	Bộ	1	Bằng vải gồm 1 áo, 1 quần, 1 mũ, 1 gậy, 1 còi
97	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ	1	Bằng vải, 1 áo, 1 quần, 1 mũ
98	Bộ trang phục Bác sỹ	Bộ	1	Bằng vải: 1 áo, 1 mũ
99	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	1	<i>Bằng vải, 1 tạp dề, 1 mũ</i>
100	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	1	Bằng gỗ. Gồm nhiều khối hình và các chi tiết khác nhau xếp thành hình lăng bác. Có cờ tổ quốc.
101	Gạch xây dựng	Thùng	1	KT: 140x70x35mm gồm 33 viên ; KT: 70x70x35mm Gồm 9 viên, kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, dao xây, quả dọi, bàn xoa. Bằng nhựa sơn màu
102	Con rối	Bộ	1	Bằng ni, thể hiện các nhân vật theo nội dung chuyện kể.
103	Dụng cụ gỗ đẽm theo phách nhíp	Cái	5	Gồm các loại phách, trống, xắc xô, mõ...
104	Đất nặn	Hộp	30	Gồm 6 màu cơ bản, có trọng lượng khoảng 200gr/hộp, không dính tay.

105	Màu nước	Hộp	30	Loại thông dụng,
106	Bút lông cỡ to	Cái	12	Loại thông dụng
107	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12	Loại thông dụng
• Đồ chơi ngoài trời				
1	Nhà liên hoàn :	Bộ	01	Bằng nhựa đúc cao cấp nhập khẩu , Khung làm bằng thép sơn tĩnh điện . Gồm một máng trượt xoắn , một máng thẳng đôi , một thang leo , mái chòi , nhựa đúc PP cao cấp.Kích thước: 410*260*280 . Trụ sắt vuông 50mm.
2	Nhà banh :	Bộ	01	Hình lục giác Trụ ống thép O60, xung quanh kéo lưới B40, mái bạt, có thang leo vào, leo ra và máng trượt vào nhà banh
3	Bộ vận động hình tam giác	Bộ	01	Khung thép phi 42, lưới dù dạng ô vuông có khoảng cách 20cm kích thước :D250xR100xC150cm
4	Xích đu thuyền rồng 3 ghế 9 chỗ ngồi.	Bộ	01	Sản phẩm có khung bằng thép sơn dầu các chỗ ngồi bằng nhựa composite.Kích thước :D340*R250*C160cm
5	Bộ hầm chui 2 khối LERADO	Bộ	01	2 khối LERADO
6	Nhún lò xo con ngựa	con	01	Làm bằng vật liệu composite.
7	Nhún lò xo cá chép	con	01	Làm bằng vật liệu composite.
8	Bập bênh đôi các con thú	Cái	03	(Hươu ,Hải Ly, con Gà) bằng nhựa đúc nhập khẩu .
9	Cải tạo lại hàng rào khu vui chơi ngoài trời .	Mét	67	với chiều dài 67 mét . Bao gồm lắp đặt thêm hàng rào khung sắt cao 1m bọc sộp , bạt bờ ta luy bê tông dưới hàng rào tròn an toàn cho bé

10	Đồ chơi trong nhà (sân trước)			
11	Nhà liên hoàn	Bộ	01	Bằng nhựa nhập khẩu cao cấp ,thân thiện với bé .Kích thước :300*185*175
12	Đĩa quay 5 con vật .	Cái	01	Bằng nhựa composit ,sắt sơn Đường kính :1.700
13	Hầm sâu chui bằng nhựa nhập khẩu .	Bộ	01	Bằng nhựa nhập khẩu Kíchthước:D215*R100*C105cm
14	Xe lật : bằng nhựa đúc nhập cao cấp	Xe	4	bằng nhựa đúc nhập cao cấp
15	Bập bênh đơn các con thú ,bằng nhựa nhập cao cấp	con	1	Bằng nhựa nhập cao cấp

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Tiến độ yêu cầu cung cấp cần được bên mời thầu lập thành bảng, trong đó nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể. Hàng hóa có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu.

Bảng số 3. Tiến độ cung cấp.

Tiến độ cung cấp: ≤ 15 ngày

Địa điểm cung cấp: - Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: 123 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật tại mục thông số kỹ thuật tại bảng số 1

Chương V
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11];

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...*].

b) Thời hạn thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].

c) Số lần thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phân công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của HSYC và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: ____ [*Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu*].

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu*].

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam*].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2%-3% giá hợp đồng*].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp*].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn

thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như*

quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: *___[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].*

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: *_____ [Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...].*

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: *___[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: *___[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].*

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ __[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __bộ, chủ đầu tư giữ __bộ, nhà thầu giữ __bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05 (bao gồm Mẫu số 05a, Mẫu số 05b)]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số ____ *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.